



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ  
CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ  
CHỨNG CHỈ ETF**

**BASKET OF COMPONENT  
SECURITIES AND CASH  
TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF**

*Kính gửi:* Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư  
*To:* Vietnam Securities Depository, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/Fund Management company: CTCP QLQ đầu tư Việt Nam/VietFund Management
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Standard Chartered/Standard Chartered Bank
- Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF VFMVN30/VFMVN30 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: E1VFN30
- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Unit 1701-04 Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, District 1, HCMC
- Điện thoại/Tel: +84-8 3 8251488 Fax: +84-8 38251489
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 20/04/2017
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

| STT   | Mã chứng khoán    | Số lượng | Tỷ lệ % trong danh mục |
|-------|-------------------|----------|------------------------|
| Order | Securities Symbol | Volume   | Weighting              |
| 1     | BID               | 730      | 1.07%                  |
| 2     | BMP               | 100      | 1.76%                  |
| 3     | BVH               | 290      | 1.53%                  |
| 4     | CII               | 730      | 2.38%                  |
| 5     | CTD               | 130      | 2.37%                  |
| 6     | CTG               | 1,600    | 2.50%                  |
| 7     | DHG               | 130      | 1.57%                  |
| 8     | DPM               | 670      | 1.49%                  |
| 9     | FPT               | 1,580    | 6.56%                  |
| 10    | GAS               | 410      | 2.03%                  |
| 11    | GMD               | 660      | 1.96%                  |
| 12    | HAG               | 1,870    | 1.36%                  |
| 13    | HNG               | 830      | 0.80%                  |
| 14    | HPG               | 2,990    | 8.35%                  |
| 15    | HSG               | 470      | 2.07%                  |
| 16    | ITA               | 1,800    | 0.53%                  |
| 17    | KBC               | 1,520    | 2.06%                  |
| 18    | KDC               | 530      | 1.91%                  |
| 19    | MBB               | 3,990    | 5.40%                  |
| 20    | MSN               | 1,960    | 8.10%                  |
| 21    | MWG               | 360      | 5.42%                  |
| 22    | NT2               | 310      | 0.86%                  |
| 23    | PVD               | 820      | 1.40%                  |
| 24    | REE               | 800      | 1.85%                  |



|    |     |       |        |
|----|-----|-------|--------|
| 25 | SBT | 600   | 1.33%  |
| 26 | SSI | 1,340 | 2.69%  |
| 27 | STB | 5,180 | 5.42%  |
| 28 | VCB | 1,550 | 5.02%  |
| 29 | VIC | 2,400 | 8.98%  |
| 30 | VNM | 820   | 10.75% |

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,103,555,400

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,108,666,518

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 5,111,118

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

| Mã chứng khoán    | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)  | Đối tượng áp dụng | Lý do                                                                                                                                         |
|-------------------|-------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Securities symbol | Cash amount is replaced for 1 share (VND) | Applied investors | State the reason                                                                                                                              |
| BVH               | 64,350                                    | BVSC              | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC<br>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC |

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc/ CEO

